

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2025/HS-PT

Ngày: 04-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Rung K' Nhon

Ông Nguyễn Công Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 87/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Lâm Đồng)

*** Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Văn S**, sinh năm 1983; nơi sinh: Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số 22/2 đường K, phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Số 22/2 đường K, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng); nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thành Th; con bà: Nguyễn Thị S; vợ: Phạm Huyền Nh; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 353/QĐ-XPHC ngày 15/5/2020 của Công an thành phố Đà Lạt xử phạt Lê Văn S số tiền 1.750.000 đồng về hành vi “Sử dụng các công cụ, phương tiện hoặc các vật dụng gây thương tích cho thành viên gia đình”. S đã nộp phạt ngày 20/5/2020.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Phạm Thành Th, sinh năm 1981; chị Triệu Thị Trang Nh, sinh năm 1984; cùng cư trú tại: số 422 đường N, phường Lâm Viên – Đà Lạt,

tỉnh Lâm Đồng (số 422 đường N, Phường A, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/8/2024, Lê Văn S điều khiển xe ô tô biển số 51C-159.29 đi từ vườn của gia đình tại Lộ 13, Khoảnh 6, Tiểu khu 148A, Phường 7, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng để về nhà. Khi S đi đến khu vực suối nước chảy ngang đường cách vườn của S khoảng 200m thì xe bị lầy không di chuyển được do cát, đất lún, đây là khu vực không có nhà dân xung quanh. Lúc này, anh Phạm Thành Th và vợ là chị Triệu Thị Trang Nh điều khiển xe ô tô biển số 49A-548.87 đi ngang qua. Thấy xe ô tô của S bị lầy, anh Thắng có nói với S *"có dây không đề phụ kéo xe lên"* nhưng S từ chối, S cho rằng do anh Thắng san lấp đất, làm hư hỏng suối dẫn tới việc xe ô tô của S bị lầy nên đã cãi nhau qua lại với anh Thắng. Do bức tức nên S lấy 02 (hai) thanh sắt dài khoảng 45cm (dụng cụ sửa xe) trong xe ô tô biển 51C-159.29 của S chạy tới đánh nhiều cái từ trên xuống dưới trúng vào đầu, mặt của anh Thắng gây thương tích. Thấy anh Thắng bị đánh nên chị Nhung sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 12 Promax để quay lại sự việc S đánh anh Thắng. Bị S đánh gây chảy máu nên anh Thắng hoảng sợ bỏ chạy vào trong xe ô tô biển số 49A-548.87 để trốn nhưng S vẫn tiếp tục cầm hung khí đe dọa anh Thắng nên anh Thắng điều khiển xe bỏ chạy. Sau khi anh Thắng bỏ chạy thì S nhìn thấy chị Nhung vẫn đang cầm điện thoại di động để quay video nên S dùng tay giật điện thoại trên tay của chị Nhung nhưng giật không trúng làm điện thoại rớt xuống đất. Lúc này, chị Nhung cúi người nhặt điện thoại thì S dùng tay phải giật điện thoại của chị Nhung, tay trái S vẫn cầm 02 thanh sắt rồi quay lưng bỏ đi về phía rừng thông. Bị S giật điện thoại nên chị Nhung đi theo kéo áo của S và nói *"trả lại điện thoại cho tôi"*, thì S không trả mà tiếp tục đi nhanh vào rừng. Thời điểm này, do trời tối, xung quanh không có người dân sinh sống, đồng thời S đang cầm hung khí và vừa đánh gây thương tích cho anh Thắng nên chị Nhung lo sợ sẽ tiếp tục bị S đánh nên không đuổi theo S để đòi điện thoại nữa mà đi bộ ra đường lớn đón xe về Công an phường 7, thành phố Đà Lạt trình báo sự việc.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe ô tô biển số 51C-159.29, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

- 01 (một) xe ô tô biển số 49A-548.87, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số máy: MG993LL/A; đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điều cày bằng gỗ, màu vàng, dài khoảng 62cm, đường kính 5.3 cm, đã qua sử dụng.
- 01 (một) căn cước công dân số 049083014483, mang tên Lê Văn S.
- 01 (một) USB hiệu Sandick, màu đen, dung lượng 16GB, bên trong có đoạn video clip ghi lại sự việc xảy ra ngày 23/8/2024.
- 01 (một) thanh sắt ống tròn dài khoảng 45cm và 01 (một) thanh sắt dẹp rộng 02cm, dài khoảng 40cm là hung khí S dùng để đánh anh Thắng. S đã ném hung khí trên vào rừng nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Lạt không thu giữ được.

Ngày 04/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt tiến hành xử lý vật chứng, trả lại tài sản là 01 (một) xe ô tô biển số 49A-548.87 cho chị Nhung, chị Nhung đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Ngày 24/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt tiến hành xử lý vật chứng, trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số máy: MG993LL/A; đã qua sử dụng cho chị Triệu Thị Trang Nh; trả lại 01 (một) điều cày bằng gỗ, màu vàng, dài khoảng 62cm, đường kính 5.3cm, đã qua sử dụng cho anh Phạm Thành Th; trả lại 01 (một) xe ô tô biển số 51C-159.29, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) căn cước công dân số 049083014483, mang tên Lê Văn S cho Lê Văn S. Chị Nhung, anh Thắng và S đã nhận lại các tài sản trên, không có yêu cầu gì thêm.

Bị hại: Anh Phạm Thành Th, sinh năm: 1981; nơi cư trú: 422 Nguyễn Tử Lực, Phường 8, thành phố Đà Lạt bị Lê Văn S dùng gậy sắt gây thương tích ở vùng đầu, mặt. Ngày 07/10/2024, anh Thắng có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Văn S.

- Tại bản kết luận giám định số: 580/KLGD-PYLD ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo kích thước nhỏ trán phải.
- Sẹo kích thước nhỏ thái dương trái.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Phạm Thành Th, tại thời điểm giám định là:

+ Sẹo kích thước nhỏ trán phải là 03% (ba phần trăm)

+ Sẹo kích thước nhỏ thái dương trái là 03% (ba phần trăm)

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thành Thăng, tại thời điểm giám định là 6% (sáu phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

+ Tổn thương trán phải do vật sắc gây nên.

+ Tổn thương thái dương trái do vật tày có cạnh gây nên.

Anh Phạm Thành Th yêu cầu Lê Văn S bồi thường số tiền 300.000.000 đồng (bao gồm chi phí điều trị và tổn thất tinh thần, sức khỏe). Đến nay, bị cáo S đã bồi thường được 50.000.000 đồng cho anh Thắng.

- *Bị hại*: chị Triệu Thị Trang Nh, sinh năm: 1984, nơi cư trú: số 422 đường Nguyễn Tử Lực, Phường 8, thành phố Đà Lạt bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/HĐĐG ngày 03/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Lạt xác định chiếc điện thoại trên có trị giá 10.000.000đồng. Sau sự việc, chị Nhung đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Bị cáo Lê Văn S thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho anh Thắng số tiền 50.000.000đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 87/CT-VKSĐL-LĐ ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Lê Văn S về các tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 và tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Lâm Đồng*) đã xử;

1. Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 170; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm các tội “*Cố ý gây thương tích*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn S phải chấp hành hình phạt 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Lê Văn S tiếp tục bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại anh Thắng số tiền 49.947.880đ (bốn mươi chín triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Lê Văn S phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.497.394đ (hai triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Ngày 16/4/2025, bị cáo Lê Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm mức bồi thường dân sự.

Ngày 21/7/2025, bị hại Phạm Thành Th có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án về hành vi Cố ý gây thương tích của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử bị cáo và thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo; người bị hại Phạm Thành Th vắng mặt và có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo vì giữa bị hại với bị cáo đã tự thỏa thuận bồi thường xong phần dân sự như Bản án sơ thẩm đã xét xử và xét thấy không cần thiết xử lý hình sự đối với bị cáo Lê Văn S nữa; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị: Do người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên áp dụng khoản 2 Điều 155; Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hủy một phần bản án sơ thẩm, Tuyên bố bị cáo không phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và đình chỉ giải quyết về hành vi cố ý gây thương tích.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù vì bị cáo đã bồi thường toàn bộ và hỗ trợ thêm cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 23/8/2024, tại gần khu vực vườn tại Lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 148A, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Lê Văn S đã dùng 02 thanh sắt dài khoảng 45cm (*01 thanh sắt tròn và 01 thanh sắt vuông 1cmx2cm*) đánh vào vùng đầu, mặt của anh Phạm Thành Th. Hậu quả, anh Phạm Thành Th bị tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 06%.

Bị hại ông Thắng có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá Hiếu phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Ngay sau khi đánh anh Thắng bỏ chạy thì S nhìn thấy chị Nhung vẫn đang cầm điện thoại di động để quay video nên S dùng tay giật điện thoại trên tay của chị Nhung nhưng giật không trúng làm điện thoại rớt xuống đất. Lúc này, chị Nhung cúi người nhặt điện thoại thì S dùng tay phải giật điện thoại của chị

Nhung, tay trái S vẫn cầm 02 thanh sắt rồi quay lưng bỏ đi về phía rừng thông. Bị S giật điện thoại nên chị Nhung đi theo kéo áo của S và nói "*trả lại điện thoại cho tôi*", thì S không trả mà tiếp tục đi nhanh vào rừng. Do đó, hành vi này của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong hạn luật định và đúng quy định nên được xem xét.

[2.1] Về hành vi phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần xét xử nghiêm minh phù hợp với tính chất, mức độ hành vi bị cáo gây ra như vậy mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án và trình bày rằng; bị cáo Lê Văn S đã bồi thường toàn bộ số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên và tự nguyện hỗ trợ thêm một khoản tiền, bản thân bị cáo và bị hại là người quen biết nhau từ trước và thấy không cần thiết xử lý về hình sự đối với bị cáo Lê Văn S nên rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Lê Văn S. Các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nhưng việc người bị hại rút lại yêu cầu khởi tố vụ án là tình tiết mới đối với bị cáo; như vậy đối tượng xét xử là hành vi bị xem là tội phạm không còn, nên cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Lê Văn S theo quy định tại khoản 2 Điều 155; Điều 359 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Vụ án bị hủy do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án, không phải lỗi của Thẩm phán và các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do vậy, nếu có thiệt hại xảy ra bị cáo Lê Văn S không có quyền yêu cầu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2.1] Về hành vi phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xuất trình biên bản thỏa thuận khắc phục hậu quả cho bị hại, sửa chữa điện thoại và hỗ trợ thêm cho bị hại Nhưng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa mức hình phạt của bản án sơ thẩm về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo và người bị hại khai nhận đã tự thỏa thuận bồi thường, nay không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Lê Văn S về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” nên bị cáo Lê Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Theo điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: Bị hại đã yêu cầu khởi tố phải chịu án phí hình sự sơ thẩm trong trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, mà sau đó Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ do người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; do vậy, bị hại Phạm Thành Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 155; Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 02/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là *Tòa án nhân dân khu vực 1, Lâm Đồng*) và chỉ giải quyết đối với bị cáo Lê Văn S bị xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn S; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo,

thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (04/8/2025)

Giao bị cáo Lê Văn S cho Ủy ban nhân dân phường Cam Ly-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Phạm Văn Thắng phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng GD, TT, KT&THA (04);
- TAND khu vực 1 (10);
- VKSND khu vực 1 (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01); bị hại (02);
- Hồ sơ THAHS (07);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Thanh